

DANH SÁCH

Kết quả tuyển dụng viên chức huyện Chợ Đồn năm 2024

(Kèm theo Thông báo số: 30/TB-HĐTD ngày 10/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện Chợ Đồn)

| STT | Số báo danh                            | Họ và tên     |        | Ngày tháng năm sinh | Dân tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)               | Trình độ | Chuyên ngành đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi vòng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|---------------|--------|---------------------|---------|------------------------------------------------------------|----------|----------------------|----------------------------|-----------------|--------------|-----------|---------|---------|
| I   | BẬC MẦM NON                            |               |        |                     |         |                                                            |          |                      |                            |                 |              |           |         |         |
| 1   | Vị trí Giáo viên Mầm non               |               |        |                     |         |                                                            |          |                      |                            |                 |              |           |         |         |
| 1.1 | Trường Mầm non Bằng Phúc (01 chỉ tiêu) |               |        |                     |         |                                                            |          |                      |                            |                 |              |           |         |         |
| 1   | 024                                    | Phùng Thị     | Hương  | 17/12/1992          | Tày     | Phiêng Liềng, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn                  | Cao đẳng | GD Mầm non           |                            | 92,3            | 5            | 97,3      | Đ       |         |
| 2   | 042                                    | Triệu Thị     | Phương | 22/12/2003          | Dao     | Phuya Mạ, Công Bằng, Pác Nặm, Bắc Kạn                      | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 88,5            | 5            | 93,5      | H       |         |
| 3   | 004                                    | Ma Thị        | Châm   | 02/7/2003           | Tày     | Pác Cuông, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn                     | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 86,0            | 5            | 91,0      | H       |         |
| 4   | 009                                    | Đặng Thị      | Hà     | 31/12/2002          | Dao     | Bản Khắt, Quảng Bạch, Chợ Đồn, Bắc Kạn                     | Cao đẳng | SP Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 81,5            | 5            | 86,5      | H       |         |
| 5   | 015                                    | Liêu Thị      | Hậu    | 17/10/1995          | Tày     | Bản Nhượng, Bản Thi, Chợ Đồn, Bắc Kạn                      | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 80,8            | 5            | 85,8      | H       |         |
| 6   | 040                                    | Hồ Hà         | Oanh   | 12/9/2001           | Tày     | Số nhà 49, Tổ 11A, phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn    | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 76,0            | 5            | 81,0      | H       |         |
| 7   | 023                                    | Hà Thị        | Hương  | 25/02/1997          | Tày     | SN212, đường Bản Áng, phường Đức Xuân, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 75,5            | 5            | 80,5      | H       |         |
| 8   | 008                                    | Hoàng Lê      | Duyên  | 15/7/1999           | Tày     | Nà Ón, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                          | Cao đẳng | SP Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 75,0            | 5            | 80,0      | H       |         |
| 9   | 016                                    | Hoàng Thị Thu | Hiền   | 01/11/1993          | Tày     | Nà Dài, Cư Lễ, Na Rì, Bắc Kạn                              | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 73,5            | 5            | 78,5      | H       |         |
| 10  | 013                                    | Nông Diễm     | Hằng   | 02/6/1998           | Tày     | Nà Hồng, Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                       | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 69,3            | 5            | 74,3      | H       |         |
| 11  | 056                                    | Vì Thị        | Triều  | 09/8/1994           | Tày     | Phiêng Liềng, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn                  | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 66,5            | 5            | 71,5      | H       |         |
| 12  | 047                                    | Hoàng Thị     | Thảo   | 15/01/2002          | Dao     | Pác Liễn, Nghiên Loan, Pác Nặm, Bắc Kạn                    | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 63,5            | 5            | 68,5      | H       |         |
| 13  | 038                                    | Ma Thị        | Nguyên | 08/01/1999          | Tày     | Cốc Lải, Cao Tân, Pác Nặm, Bắc Kạn                         | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 61,5            | 5            | 66,5      | H       |         |
| 14  | 026                                    | Dương Thị     | Khòa   | 20/6/1991           | Tày     | Cạn Luông, Sơn La, Pác Nặm, Bắc Kạn                        | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 57,5            | 5            | 62,5      | H       |         |
| 15  | 051                                    | Hoàng Thu     | Thủy   | 02/02/2003          | Tày     | Khuổi Cưởm, Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                    | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 53,5            | 5            | 58,5      | H       |         |
| 16  | 035                                    | Nguyễn Kiều   | Ngân   | 06/6/1996           | Kinh    | Tổ 11, phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn          | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 47,0            |              | 47,0      | H       |         |
| 17  | 010                                    | Lường Thị     | Hái    | 05/01/2002          | Tày     | Cốc Lải, Cao Tân, Pác Nặm, Bắc Kạn                         | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 45,5            | 5            | 50,5      | H       |         |

| STT | Số báo danh                              | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Dân tộc | Chỗ ở hiện nay (Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)                                                 | Trình độ | Chuyên ngành đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi vòng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------|----------------------|---------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|----------------------------|-----------------|--------------|-----------|---------|---------|
| 18  | 032                                      | Tô Thị Nụ            | 01/01/1996          | Tày     | Nà Pài, Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                                       | Cao đẳng | SP Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 42,0            | 5            | 47,0      | H       |         |
| 19  | 022                                      | Hoàng Thị Huyền      | 18/3/1997           | Tày     | Bản Pyàn, Quảng Khê, Ba Bể, Bắc Kạn                                                       | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 38,8            | 5            | 43,8      | H       |         |
| 20  | 050                                      | Hoàng Thị Thới       | 11/3/2000           | Tày     | Bản Quân, Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                                     | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 36,5            | 5            | 41,5      | H       |         |
| 21  | 045                                      | Ma Thị Tô            | 23/6/1998           | Tày     | Nậm Mây, Bộc Bó, Pác Nặm, Bắc Kạn                                                         | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 33,5            | 5            | 38,5      | H       |         |
| 22  | 033                                      | Tô Thị Ngà           | 21/01/2003          | Tày     | Bản Quân, Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                                     | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Phương Viên | 32,0            | 5            | 37,0      | H       |         |
| 23  | 034                                      | Hoàng Thị Ngân       | 21/6/1991           | Tày     | Cốc Thử, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                                      | Đại học  | Mầm non              |                            | 10,0            | 5            | 15,0      | H       |         |
| 1.2 | Trường Mầm non Phương Viên (01 chỉ tiêu) |                      |                     |         |                                                                                           |          |                      |                            |                 |              |           |         |         |
| 1   | 036                                      | Đàm Thùy Ngân        | 21/8/2003           | Tày     | Phai Khim, Nhận Môn, Pác Nặm, Bắc Kạn                                                     | Cao đẳng | SP Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 85,0            | 5            | 90,0      | Đ       |         |
| 2   | 003                                      | Hoàng Thị Bay        | 18/02/1990          | Tày     | Tổ 8, Phường Nguyễn Thị Minh Khai, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn                                    | Đại học  | SP Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 79,5            | 5            | 84,5      | H       |         |
| 3   | 029                                      | Hứa Thị Ly           | 31/5/2003           | Tày     | Cốc Muối, Mỹ Phương, Ba Bể, Bắc Kạn                                                       | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 77,5            | 5            | 82,5      | H       |         |
| 4   | 052                                      | Hoàng Thị Thúy       | 02/01/1997          | Tày     | Bản Đồn, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                                      | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 77,0            | 5            | 82,0      | H       |         |
| 5   | 007                                      | Đàm Thị Dung         | 14/02/1996          | Tày     | Khuổi Dấm, Cẩm Giàng, Bạch Thông, Bắc Kạn                                                 | Cao đẳng | SP Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 76,8            | 5            | 81,8      | H       |         |
| 6   | 054                                      | Nông Thị Nhật Thương | 05/01/1999          | Tày     | Trung Hòa, Công Bằng, Pác Nặm, Bắc Kạn                                                    | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 73,5            | 5            | 78,5      | H       |         |
| 7   | 043                                      | Nông Như Quỳnh       | 26/4/2001           | Tày     | Chi Quảng B, thị trấn Phủ Thông, Bạch Thông, Bắc Kạn                                      | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 70,0            | 5            | 75,0      | H       |         |
| 8   | 002                                      | Hoàng Thị Ban        | 11/12/1996          | Nùng    | Nà Búng, Quân Hà, Bạch Thông, Bắc Kạn                                                     | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 69,5            | 5            | 74,5      | H       |         |
| 9   | 012                                      | Nông Thị Hạnh        | 17/5/1996           | Tày     | Háng Cáu, Kim Lư, Na Rì, Bắc Kạn                                                          | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Đại Sảo     | 63,8            | 5            | 68,8      | H       |         |
| 10  | 011                                      | Nguyễn Hồng Hạnh     | 05/10/2000          | Tày     | SN56, đường Nguyễn Văn Thoát, phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn                  | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 61,0            | 5            | 66,0      | H       |         |
| 11  | 025                                      | Lường Thị Kiều       | 03/12/1998          | Tày     | Trung Hòa, Công Bằng, Pác Nặm, Bắc Kạn                                                    | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 59,0            | 5            | 64,0      | H       |         |
| 12  | 019                                      | Hà Thị Hoa           | 16/4/1997           | Tày     | Đon Mạ, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                                       | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 58,5            | 5            | 63,5      | H       |         |
| 13  | 049                                      | Âu Thị Thắm          | 13/8/1999           | Tày     | Bản Nà, Nghiên Loan, Pác Nặm, Bắc Kạn                                                     | Cao đẳng | GD Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 52,0            | 5            | 57,0      | H       |         |
| 14  | 048                                      | Đinh Thị Phương Thảo | 29/02/2002          | Tày     | SN9, ngõ 146, đường Chiến thắng Phủ Thông, Tổ 13, Phường Nguyễn Thị Minh Khai, TP Bắc Kạn | Đại học  | GD Mầm non           | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 51,5            | 5            | 56,5      | H       |         |

| STT | Số<br>báo<br>danh                           | Họ và tên       |       | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)                | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------|-----------------|-------|------------------------|------------|-------------------------------------------------------------|----------|-------------------------|----------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 15  | 031                                         | Lý Thị Hồng     | Mến   | 23/6/2002              | Tày        | Nà Tải, Đồng Thắng,Chợ Đồn, Bắc Kạn                         | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Đại Sảo     | 51,0               | 5               | 56,0         | H          |         |
| 16  | 028                                         | Hà Thị Diệu     | Linh  | 13/10/2000             | Tày        | Bản Diều, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn                       | Cao đẳng | GD Mầm non              | Trường Mầm non Đại Sảo     | 50,0               | 5               | 55,0         | H          |         |
| 17  | 058                                         | Hà Thị Hải      | Yến   | 18/4/2000              | Tày        | Nà Thoi, Quang Thuận, Bạch Thông, Bắc Kạn                   | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Đại Sảo     | 42,5               | 5               | 47,5         | H          |         |
| 18  | 017                                         | Ban Thị         | Hiền  | 01/3/1995              | Tày        | Nà Chàò, Như Cồ, Chợ Mới, Bắc Kạn                           | Cao đẳng | GD Mầm non              | Trường Mầm non Đại Sảo     | 41,5               | 5               | 46,5         | H          |         |
| 19  | 046                                         | Ma Thị          | Thạch | 23/12/1998             | Tày        | Tiểu khu 3, thị trấn Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn             | Cao đẳng | GD Mầm non              | Trường Mầm non Đại Sảo     | 41,5               | 5               | 46,5         | H          |         |
| 20  | 044                                         | Hà Thị Thùy     | Sinh  | 25/01/1993             | Tày        | Nà Buốc, Quang Phong, Na Rì, Bắc Kạn                        | Đại học  | SP GD Mầm<br>non        | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 40,5               | 5               | 45,5         | H          |         |
| 21  | 041                                         | Nông Thị Kim    | Oanh  | 19/7/1998              | Tày        | Nà Khuôt, Yên Thượng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                      | Đại học  | GD Mầm non              |                            | 34,5               | 5               | 39,5         | H          |         |
| 1.3 | <b>Trường Mầm non Đại Sảo (01 chỉ tiêu)</b> |                 |       |                        |            |                                                             |          |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1   | 027                                         | Phùng Thị       | Lan   | 04/02/1996             | Nùng       | Bản Tàn, TT Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                     | Cao đẳng | GD Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 89,5               | 5               | 94,5         | Đ          |         |
| 2   | 059                                         | Trương Thị Hoài | Yến   | 13/03/1998             | Tày        | Số 80, Tổ Nà Pải, phường Huyền Tung, TP Bắc<br>Kạn, Bắc Kạn | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 82,0               | 5               | 87,0         | H          |         |
| 3   | 014                                         | Mạc Thị         | Hằng  | 14/01/1996             | Tày        | Nà Phả, Quân Hà, Bạch Thông, Bắc Kạn                        | Cao đẳng | GD Mầm non              | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 78,5               | 5               | 83,5         | H          |         |
| 4   | 005                                         | Đoàn Thị Linh   | Chi   | 25/11/1997             | Tày        | Bản Hon, Bành Trạch, Ba Bể, Bắc Kạn                         | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 76,5               | 5               | 81,5         | H          |         |
| 5   | 055                                         | Triệu Thị       | Trang | 15/10/1998             | Dao        | Pác Cộp, Yên Thượng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                       | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 71,5               | 5               | 76,5         | H          |         |
| 6   | 037                                         | Nguyễn Bích     | Ngọc  | 03/11/2000             | Tày        | Thôn Trung Tâm, Đại Sảo, Chợ Đồn, Bắc Kạn                   | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 67,0               | 5               | 72,0         | H          |         |
| 7   | 053                                         | Vi Thị          | Thúy  | 13/05/1999             | Tày        | Bản Trù, Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn                          | Cao đẳng | SP Mầm non              | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 65,5               | 5               | 70,5         | H          |         |
| 8   | 001                                         | Hứa Ngọc        | Ánh   | 17/9/2000              | Tày        | Tổ 12, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                 | Cao đẳng | GD Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 63,5               | 5               | 68,5         | H          |         |
| 9   | 018                                         | Hoàng Thu       | Hiếu  | 09/7/2002              | Tày        | Khuổi Xôm, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn                      | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 48,5               | 5               | 53,5         | H          |         |
| 10  | 020                                         | Bàn Thị         | Hoa   | 24/10/1997             | Dao        | Tổ nhân dân Phố Mới, thị trấn Yên Lạc, Na Rì, Bắc<br>Kạn    | Đại học  | GD Mầm non              |                            | 48,3               | 5               | 53,3         | H          |         |
| 11  | 057                                         | Lê Thanh        | Trúc  | 01/6/2002              | Tày        | Bản Giác, Hòa Mục, Chợ Mới, Bắc Kạn                         | Đại học  | GD Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 48,0               | 5               | 53,0         | H          |         |
| 12  | 021                                         | La Thị          | Hoán  | 06/5/2003              | Tày        | Nà Pèng, Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                       | Cao đẳng | SP Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 46,0               | 5               | 51,0         | H          |         |
| 13  | 030                                         | Bàn Thị         | Lý    | 07/9/1995              | Dao        | Vi Lạp, Nhạn Môn, Pác Nặm, Bắc Kạn                          | Cao đẳng | GD Mầm non              | Trường Mầm non Bằng Phúc   | 46,0               | 5               | 51,0         | H          |         |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                       | Họ và tên                         | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)                              | Trình độ  | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|-----------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|----------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 14    | 006                                     | Hoàng Thị Phương    Chúc          | 13/9/2003              | Tày        | Bản Sáo, Đại Sáo, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                        | Cao đẳng  | SP Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 39,0               | 5               | 44,0         | H          |         |
| 15    | 039                                     | Sầm Thị                    Nguyệt | 12/9/2002              | Nùng       | Phiêng Liềng, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                 | Đại học   | SP Mầm non              | Trường Mầm non Phương Viên | 27,0               | 5               | 32,0         | H          |         |
| 2     | Vị trí Nhân viên Y tế                   |                                   |                        |            |                                                                           |           |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 2.1   | Trường Mầm non Quảng Bạch (01 chỉ tiêu) |                                   |                        |            |                                                                           |           |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 070                                     | Hoàng Văn                Phúc     | 29/12/1990             | Tày        | Bản Mạ, Quảng Bạch, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                      | Trung cấp | Y sỹ                    | Trường Tiểu học Xuân Lạc   | 68,3               | 5               | 73,3         | Đ          |         |
| 2     | 078                                     | Văn Phúc                Thuấn     | 28/12/1989             | Tày        | Bằng Viễn 2, Phương Viên, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                | Trung cấp | Y sỹ                    | Trường Tiểu học Xuân Lạc   | 67,2               | 5               | 72,2         | H          |         |
| 3     | 073                                     | Lý Thị                    Thắm    | 29/01/1992             | Tày        | Che Ngù, Yên Thượng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                     | Trung cấp | Y sỹ đa khoa            | Trường Tiểu học Xuân Lạc   | 39,8               | 5               | 44,8         | H          |         |
| 4     | 085                                     | Triệu Thị Bích        Văn         | 24/02/1989             | Tày        | Nà Khảo, Đại Sáo, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                        | Trung cấp | Y sỹ                    |                            | 36,3               | 5               | 41,3         | H          |         |
| 5     | 060                                     | Ma Thị                    Bắc     | 25/6/1983              | Tày        | Pác Cuồng, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                    | Trung cấp | Y sỹ đa khoa            |                            | 29,0               | 5               | 34,0         | H          |         |
| 6     | 064                                     | Triệu Thu                Hà       | 11/3/1991              | Nùng       | Số nhà 44, Tổ 3, Phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn                     | Trung cấp | Y sỹ đa khoa            | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 20,0               | 5               | 25,0         | H          |         |
| 2.2   | Trường Mầm non Nam Cường (01 chỉ tiêu)  |                                   |                        |            |                                                                           |           |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 079                                     | Lâm Thị                Thủy       | 02/10/1991             | Tày        | Bằng Viễn 2, Phương Viên, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                | Trung cấp | Y sỹ                    | Trường Mầm non Quảng Bạch  | 44,0               | 5               | 49,0         | H          |         |
| 2     | 065                                     | Hoàng Khánh        Hội            | 24/9/1989              | Tày        | Nà Cà, Quảng Bạch, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                       | Trung cấp | Y sỹ                    | Trường Mầm non Quảng Bạch  | 22,0               | 5               | 27,0         | H          |         |
| 3     | 087                                     | Lý Thị                    Yên     | 27/01/1993             | Tày        | Nà Lặng, Bộc Bó, Pác Nặm, Bắc Kạn                                         | Trung cấp | Y sỹ                    | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 13,8               | 5               | 18,8         | H          |         |
| 4     | 068                                     | Triệu Thị                Mến      | 17/02/1990             | Tày        | Bản Tràng, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                     | Trung cấp | Y sỹ đa khoa            | Trường Tiểu học Xuân Lạc   | 12,5               | 5               | 17,5         | H          |         |
| 5     | 066                                     | Hoàng Thị                Lan      | 26/11/1989             | Tày        | Chợ Lèng, Quảng Khê, Ba Bể, Bắc Kạn                                       | Trung cấp | Y sỹ Y học cổ truyền    | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 7,5                | 5               | 12,5         | H          |         |
| II    | BẬC TIỂU HỌC                            |                                   |                        |            |                                                                           |           |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1     | Vị trí Giáo viên Tiểu học               |                                   |                        |            |                                                                           |           |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1.1   | Giáo viên giảng dạy môn cơ bản          |                                   |                        |            |                                                                           |           |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1.1.1 | Trường Tiểu học Nam Cường (02 chỉ tiêu) |                                   |                        |            |                                                                           |           |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 104                                     | Hoàng Thị Ngọc        Dung        | 28/8/1998              | Tày        | Bản Lùng, Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn                                       | Đại học   | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 68,5               | 5               | 73,5         | Đ          |         |
| 2     | 129                                     | Hoàng Thị Thúy        Lan         | 05/7/1999              | Tày        | Nà Pha, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                        | Đại học   | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 64,5               | 5               | 69,5         | Đ          |         |
| 3     | 119                                     | Nông Thị                Hội       | 08/7/2000              | Tày        | Số nhà 2, ngõ 1, đường 3-2. phường Mỏ Chè, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | Đại học   | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 61,5               | 5               | 66,5         | H          |         |

| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên                | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)                      | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------|------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------|----------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 4   | 130               | Nông Thị Mỹ      Lê      | 15/3/2002              | Tày        | Đuông Nura, Cao Tân, Pác Nặm, Bắc Kạn                             | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 62,5               | 5               | 67,5         | H          |         |
| 5   | 156               | Triệu Thị      Thoa      | 28/3/1987              | Nùng       | Bản Ó, Xuân Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                 | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 61,5               | 5               | 66,5         | H          |         |
| 6   | 116               | Lý Thị      Hóa          | 16/02/1995             | Tày        | Nà Khao, Phúc Lộc, Ba Bể, Bắc Kạn                                 | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sảo     | 59,5               | 5               | 64,5         | H          |         |
| 7   | 095               | Bế Thanh      Cúc        | 12/01/2001             | Nùng       | Tổ dân phố Trại, phường Nam Tiến, TP Phổ Yên,<br>tỉnh Thái Nguyên | Đại học  | GD Tiểu học             |                            | 59,0               | 5               | 64,0         | H          |         |
| 8   | 146               | Lý Văn      Phú          | 27/4/1995              | Tày        | Nà Ón, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                 | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 59,0               | 5               | 64,0         | H          |         |
| 9   | 153               | Đoàn Thị Thu      Thảo   | 12/02/1997             | Tày        | Tổ 5, P. Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn                      | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sảo     | 58,3               | 5               | 63,3         | H          |         |
| 10  | 142               | Hứa Bích      Ngọc       | 21/8/2002              | Tày        | TDP Bản Mạch, TT Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn                       | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 57,5               | 5               | 62,5         | H          |         |
| 11  | 143               | Nguyễn Thị      Nhi      | 24/11/1995             | Tày        | Cốc Pái, Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn                               | Đại học  | SP Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 55,0               | 5               | 60,0         | H          |         |
| 12  | 103               | Đinh Ngọc      Diệp      | 18/6/1998              | Tày        | Số nhà 36, tổ 7, phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn,<br>Bắc Kạn          | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 54,5               | 5               | 59,5         | H          |         |
| 13  | 163               | Vương Thị Thu      Trang | 03/5/1995              | Tày        | Nà Phả, Quân Hà, Bạch Thông, Bắc Kạn                              | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 54,0               | 5               | 59,0         | H          |         |
| 14  | 157               | Luân Thị      Thu        | 28/3/1995              | Nùng       | Bản Cải, Cao Thượng, Ba Bể, Bắc Kạn                               | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 52,5               | 5               | 57,5         | H          |         |
| 15  | 138               | Lý Thị      Nương        | 19/9/1991              | Tày        | Phiêng Toản, Thượng Giáo, Ba Bể, Bắc Kạn                          | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 52,0               | 5               | 57,0         | H          |         |
| 16  | 139               | Bản Thị      Nga         | 03/9/1991              | Dao        | Cốc Tém, Kim Hỷ, Na Rì, Bắc Kạn                                   | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 51,8               | 5               | 56,8         | H          |         |
| 17  | 161               | Hoàng Thu      Thủy      | 17/11/1995             | Nùng       | Xưởng Cưa, Sơn Thành, Na Rì, Bắc Kạn                              | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 51,3               | 5               | 56,3         | H          |         |
| 18  | 092               | Đồng Thị      Bích       | 18/12/1994             | Tày        | Bản Eng, Xuân Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                               | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 47,0               | 5               | 52,0         | H          |         |
| 19  | 150               | Hoàng Thị      Sao       | 18/8/1992              | Nùng       | Cốc Phát, Nguyễn Huệ, Hòa An, Cao Bằng                            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 47,0               | 5               | 52,0         | H          |         |
| 20  | 168               | Triệu Thị      Uyên      | 18/02/1997             | Dao        | Nà Vài, Quảng Khê, Ba Bể, Bắc Kạn                                 | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 47,0               | 5               | 52,0         | H          |         |
| 21  | 091               | Lưu Thị      Bến         | 12/10/1996             | Tày        | Bản Cáu, Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                             | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sảo     | 44,0               | 5               | 49,0         | H          |         |
| 22  | 135               | Phùng Mùi      Múi       | 28/12/1997             | Dao        | Khuổi Làng, An Thắng, Pác Nặm, Bắc Kạn                            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 40,0               | 5               | 45,0         | H          |         |
| 23  | 166               | Liêu Minh      Trần      | 16/3/1993              | Tày        | Cọn Poông, Nam Cường, Chợ Đồn, Bắc Kạn                            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sảo     | 39,8               | 5               | 44,8         | H          |         |
| 24  | 125               | Ma Thị      Hương        | 16/12/1993             | Tày        | Bản Cưa, Bằng Lãng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                              | Đại học  | GD Tiểu học             |                            | 35,0               | 5               | 40,0         | H          |         |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                        | Họ và tên     |       | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)                 | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------|---------------|-------|------------------------|------------|--------------------------------------------------------------|----------|-------------------------|----------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 25    | 101                                      | Long Thị      | Diễm  | 22/02/1997             | Tày        | Bản Tùn, Xuân Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                          | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 33,0               | 5               | 38,0         | H          |         |
| 26    | 118                                      | Lý Nông       | Học   | 01/01/1992             | Tày        | Bản Luông, Mỹ Thanh, Bạch Thông, Bắc Kạn                     | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 31,0               | 5               | 36,0         | H          |         |
| 27    | 093                                      | Địch Thị      | Bình  | 05/02/1992             | Nùng       | Tân Tiến 4, Tân Dương, Định Hóa, Thái Nguyên                 | Đại học  | SP Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 15,0               | 5               | 20,0         | H          |         |
| 28    | 114                                      | Hoàng Thị     | Hoa   | 30/9/1993              | Mông       | Nà Lặng, Bộc Bó, Pác Nặm, Bắc Kạn                            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   |                    |                 |              | Bỏ thi     |         |
| 29    | 120                                      | Hoàng Văn     | Hồng  | 02/12/1998             | Tày        | Nà Phán, Bộc Bó, Pác Nặm, Bắc Kạn                            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng |                    |                 |              | Bỏ thi     |         |
| 30    | 132                                      | Nguyễn Thị    | Lựu   | 11/10/1991             | Tày        | Nà Phung, Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                       | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     |                    |                 |              | Bỏ thi     |         |
| 1.1.2 | Trường Tiểu học Yên Thượng (01 chỉ tiêu) |               |       |                        |            |                                                              |          |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 123                                      | Nông Thị      | Huyền | 23/03/1989             | Tày        | Nà Pò, Quân Hà, Bạch Thông, Bắc Kạn                          | Đại học  | GD Tiểu học             |                            | 86,5               | 5               | 91,5         | Đ          |         |
| 2     | 111                                      | Nông Thị Minh | Hằng  | 31/10/1998             | Tày        | SN11, Tổ Khuổi Thuồm, phường Huyện Tụng, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn | Đại học  | SP Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 77,5               | 5               | 82,5         | H          |         |
| 3     | 126                                      | Nguyễn Thị    | Hương | 20/9/1994              | Tày        | Nà Ón, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 63,0               | 5               | 68,0         | H          |         |
| 4     | 155                                      | Hoàng Thị     | Thắm  | 30/5/1992              | Tày        | Tiểu khu I, TT Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn                    | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 57,3               | 5               | 62,3         | H          |         |
| 5     | 089                                      | Nông Thị      | Ánh   | 11/10/1990             | Tày        | Nà Chắc, Tân Lập, Chợ Đồn, Bắc Kạn                           | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 56,5               | 5               | 61,5         | H          |         |
| 6     | 090                                      | Lèng Thị Thu  | Bay   | 11/6/1994              | Tày        | Pác Cuồng, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn                       | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 46,5               | 5               | 51,5         | H          |         |
| 7     | 094                                      | Hà Mạnh       | Cầm   | 14/12/1992             | Tày        | Bản Sù, Cốc Đán, Ngân Sơn, Bắc Kạn                           | Đại học  | SP Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 45,5               | 5               | 50,5         | H          |         |
| 8     | 124                                      | Hà Sỹ         | Huỳnh | 20/7/1996              | Tày        | Bản Cậu, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn                         | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 42,0               | 5               | 47,0         | H          |         |
| 9     | 131                                      | Mã Thị Ngọc   | Lệ    | 06/12/1997             | Tày        | Tổ 10, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                  | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Lương Bằng  | 31,0               | 5               | 36,0         | H          |         |
| 1.1.3 | Trường TH&THCS Lương Bằng (01 chỉ tiêu)  |               |       |                        |            |                                                              |          |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 158                                      | Hoàng Thị     | Thu   | 08/9/1999              | Tày        | Cốc Thừ, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn                         | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 74,5               | 5               | 79,5         | Đ          |         |
| 2     | 140                                      | Hoàng Phương  | Nga   | 13/7/2002              | Tày        | Nà Lùng, Lương Bằng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                        | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 69,3               | 5               | 74,3         | H          |         |
| 3     | 115                                      | Bế Đình       | Hòa   | 14/4/1994              | Tày        | Lương Bằng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                 | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 67,5               | 5               | 72,5         | H          |         |
| 4     | 154                                      | Lường Thị     | Thắm  | 21/7/1997              | Tày        | Thôn Ga, Chi Lăng, Chi Lăng, Lạng Sơn                        | Đại học  | GD Tiểu học             |                            | 51,0               | 5               | 56,0         | H          |         |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                      | Họ và tên        |        | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)     | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------|------------------|--------|------------------------|------------|--------------------------------------------------|----------|-------------------------|----------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 5     | 159                                    | Đồng Thị         | Thu    | 24/9/1992              | Tày        | Tùm Tó, Bằng Lăng, Chợ Đồn, Bắc Kạn              | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 49,5               | 5               | 54,5         | H          |         |
| 6     | 105                                    | Ma Thị           | Dung   | 30/4/1989              | Tày        | Hòa Tiến 2, Minh Tiến, Đại Từ, Thái Nguyên       | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 49,0               | 5               | 54,0         | H          |         |
| 7     | 122                                    | Hoàng Việt       | Hùng   | 06/02/1994             | Nùng       | Tổ 14A, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn     | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 45,0               | 5               | 50,0         | H          |         |
| 8     | 108                                    | Hoàng Thị Thu    | Hà     | 26/8/1998              | Tày        | Phiêng Quắc, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn         | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 44,0               | 5               | 49,0         | H          |         |
| 1.1.4 | Trường TH&THCS Bằng Phúc (01 chỉ tiêu) |                  |        |                        |            |                                                  |          |                         |                            |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 106                                    | Tô Thanh         | Dương  | 26/10/1992             | Tày        | Tổ 3, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn       | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 87,0               | 5               | 92,0         | Đ          |         |
| 2     | 109                                    | Nông Thị Ngọc    | Hà     | 02/9/1996              | Tày        | Tổ 17, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn      | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 81,0               | 5               | 86,0         | H          |         |
| 3     | 147                                    | Lường Thị        | Phương | 17/7/1999              | Tày        | Cốc Coọng, Đồng Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn             | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 81,0               | 5               | 86,0         | H          |         |
| 4     | 107                                    | Triệu Văn        | Đoan   | 09/11/1993             | Tày        | Nà Hồng, Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn             | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 80,0               | 5               | 85,0         | H          |         |
| 5     | 144                                    | La Quỳnh         | Như    | 24/9/1995              | Tày        | Tổ 10, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn      | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 79,3               | 5               | 84,3         | H          |         |
| 6     | 112                                    | Hoàng Thu        | Hằng   | 04/8/2000              | Nùng       | Bản Kén, Văn Lang, Na Rì, Bắc Kạn                | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 74,3               | 5               | 79,3         | H          |         |
| 7     | 164                                    | Triệu Thị        | Trang  | 18/6/1994              | Dao        | Nà Bay, Bằng Phúc, Chợ Đồn, Bắc Kạn              | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 68,5               | 5               | 73,5         | H          |         |
| 8     | 141                                    | Tho Thị Hằng     | Nga    | 17/3/1991              | Tày        | Tổ 6, phường Xuất Hóa, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn       | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 68,3               | 5               | 73,3         | H          |         |
| 9     | 167                                    | Nguyễn Thị       | Trình  | 24/01/1997             | Tày        | Tài Chang, Bình Văn, Chợ Mới, Bắc Kạn            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 66,5               | 5               | 71,5         | H          |         |
| 10    | 098                                    | Nguyễn Thị Tuyết | Chinh  | 06/11/1996             | Tày        | Bản Ồm, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn              | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Yên Thượng | 65,0               | 5               | 70,0         | H          |         |
| 11    | 133                                    | Trịnh Thị Hồng   | Mận    | 07/8/1993              | Tày        | Tổ 18, Phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn      | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 58,5               | 5               | 63,5         | H          |         |
| 12    | 134                                    | Triệu Thị        | Mến    | 23/3/1996              | Tày        | Tổ 5, phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Lương Bằng  | 57,3               | 5               | 62,3         | H          |         |
| 13    | 149                                    | Nguyễn Thị Kim   | Phượng | 22/10/1992             | Kinh       | TDP Cốc Pái, TT Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn       | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường TH&THCS Đại Sáo     | 49,8               |                 | 49,8         | H          |         |
| 14    | 127                                    | Phương Hoàng     | Hương  | 24/4/2002              | Tày        | Thạch Ngõa 2, Mỹ Phương, Ba Bể, Bắc Kạn          | Đại học  | SP Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 49,5               | 5               | 54,5         | H          |         |
| 15    | 162                                    | Lộc Thị          | Thuyên | 03/8/1994              | Nùng       | Dài Khao, Thượng Giáo, Ba Bể, Bắc Kạn            | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 45,0               | 5               | 50,0         | H          |         |
| 16    | 121                                    | Hà Thị           | Huệ    | 11/02/1995             | Tày        | Nà Pên, Thanh Mai, Chợ Mới, Bắc Kạn              | Đại học  | GD Tiểu học             | Trường Tiểu học Nam Cường  | 42,5               | 5               | 47,5         | H          |         |

| STT   | Số báo danh                          | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Dân tộc | Chỗ ở hiện nay (Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)               | Trình độ | Chuyên ngành đào tạo | Nguyên vọng 2              | Điểm thi vòng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú |
|-------|--------------------------------------|-------------------|---------------------|---------|---------------------------------------------------------|----------|----------------------|----------------------------|-----------------|--------------|-----------|---------|---------|
| 17    | 097                                  | Hoàng Thị Chiêm   | 03/11/1992          | Tày     | Tổ dân phố Mới, TT Yên Lạc, Na Rì, Bắc Kạn              | Đại học  | GD Tiểu học          |                            | 12,5            | 5            | 17,5      | H       |         |
| 18    | 145                                  | Đỗ Hồng Phong     | 02/10/1995          | Tày     | Thôm Mò, Quân Hà, Bạch Thông, Bắc Kạn                   | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường Tiểu học Nam Cường  |                 |              |           | Bỏ thi  |         |
| 1.1.5 | Trường TH&THCS Đại Sảo (01 chỉ tiêu) |                   |                     |         |                                                         |          |                      |                            |                 |              |           |         |         |
| 1     | 136                                  | Nông Thị Niềm     | 16/9/1995           | Tày     | Nà Lào, Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                    | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Lương Bằng  | 88,3            | 5            | 93,3      | Đ       |         |
| 2     | 099                                  | Nông Thị Chinh    | 23/12/1995          | Nùng    | Bình Môn, Tân Tú, Bạch Thông, Bắc Kạn                   | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường Tiểu học Yên Thượng | 81,8            | 5            | 86,8      | H       |         |
| 3     | 110                                  | Đinh Thị Hà       | 20/7/1992           | Tày     | Bản Kéo, Thanh Mai, Chợ Mới, Bắc Kạn                    | Đại học  | SP Tiểu học          | Trường Tiểu học Nam Cường  | 78,8            | 5            | 83,8      | H       |         |
| 4     | 137                                  | Long Thị Nội      | 16/4/1997           | Tày     | Bản Duồng 2, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn       | Đại học  | GD Tiểu học          |                            | 69,0            | 5            | 74,0      | H       |         |
| 5     | 170                                  | Ma Thị Yên        | 18/5/1996           | Tày     | Bản Điếng, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn                 | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 68,5            | 5            | 73,5      | H       |         |
| 6     | 160                                  | Ma Thị Thùy       | 07/02/2001          | Tày     | Phiêng Quắc, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn                | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường Tiểu học Yên Thượng | 67,0            | 5            | 72,0      | H       |         |
| 7     | 169                                  | Vũ Thị Yên        | 18/6/1996           | Tày     | Tổ 12, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn             | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 63,8            | 5            | 68,8      | H       |         |
| 8     | 152                                  | Nông Ngọc Tùng    | 09/12/1995          | Tày     | Nà Oóc, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn                    | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Lương Bằng  | 63,0            | 5            | 68,0      | H       |         |
| 9     | 100                                  | Hoàng Thị Chuyên  | 01/5/1995           | Tày     | Tổ Chí Lèn, P. Huyền Tụng, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn          | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Lương Bằng  | 62,0            | 5            | 67,0      | H       |         |
| 10    | 151                                  | Nông Thị Tiên     | 21/12/1994          | Tày     | Số nhà 556, tổ 18, phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Lương Bằng  | 61,0            | 5            | 66,0      | H       |         |
| 11    | 113                                  | Đinh Duy Hậu      | 05/11/1995          | Tày     | Nà Bản, Nông Hạ, Chợ Mới, Bắc Kạn                       | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 56,8            | 5            | 61,8      | H       |         |
| 12    | 165                                  | Vũ Thị Trang      | 09/3/1997           | Tày     | Tổ 4, phường Tích Lương, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên    | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường Tiểu học Yên Thượng | 56,8            | 5            | 61,8      | H       |         |
| 13    | 088                                  | Giá Thị Châm Anh  | 28/8/1995           | Tày     | Tổ 9, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn              | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Bằng Phúc   | 51,0            | 5            | 56,0      | H       |         |
| 14    | 102                                  | Dương Thị Diễm    | 10/5/1995           | Tày     | Cốc Thốc, Vi Hương, Bạch Thông, Bắc Kạn                 | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường TH&THCS Lương Bằng  | 51,0            | 5            | 56,0      | H       |         |
| 15    | 148                                  | Nguyễn Thị Phương | 01/3/1985           | Tày     | Pò Phyeo, Văn Vũ, Na Rì, Bắc Kạn                        | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường Tiểu học Yên Thượng | 50,0            | 5            | 55,0      | H       |         |
| 16    | 128                                  | Hoàng Thị Kiều    | 15/9/1995           | Tày     | Nà Đon, Thanh Vân, Chợ Mới, Bắc Kạn                     | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường Tiểu học Yên Thượng | 48,8            | 5            | 53,8      | H       |         |
| 17    | 117                                  | Nông Phương Hoài  | 04/10/1997          | Tày     | Số nhà 6, Tổ 11C, phường Đức Xuân, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn  | Đại học  | GD Tiểu học          | Trường Tiểu học Nam Cường  | 47,5            | 5            | 52,5      | H       |         |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                                     | Họ và tên                       | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh) | Trình độ  | Chuyên ngành<br>đào tạo     | Nguyên vọng 2             | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------|------------|----------------------------------------------|-----------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 18    | 096                                                   | Nguyễn Đình           Cư        | 12/8/1993              | Tày        | Bản Mới, Bình Văn, Chợ Mới, Bắc Kạn          | Đại học   | GD Tiểu học                 | Trường Tiểu học Nam Cường | 32,0               | 5               | 37,0         | H          |         |
| 1.2   | <b><i>Giáo viên giảng dạy môn Tiếng Anh</i></b>       |                                 |                        |            |                                              |           |                             |                           |                    |                 |              |            |         |
| 1.2.1 | <i>Trường Tiểu học Quảng Bạch (01 chỉ tiêu)</i>       |                                 |                        |            |                                              |           |                             |                           |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 173                                                   | Ma Thị                    Ngà   | 24/01/1994             | Tày        | Vằng Quân, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn      | Đại học   | SP GD Tiểu<br>học Tiếng Anh |                           | 80,5               | 5               | 85,5         | Đ          |         |
| 2     | 174                                                   | Ma Thị                    Ngân  | 19/12/1992             | Tày        | Nà Tắc, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn          | Đại học   | Ngôn ngữ Anh                |                           | 61,0               | 5               | 66,0         | H          |         |
| 3     | 172                                                   | Nguyễn Thị Thu        Lưỡng     | 15/3/1986              | Tày        | Há Ché, Sùng Trà, Mèo Vạc, Hà Giang          | Đại học   | Tiếng Anh                   | Trường TH&THCS Đồng Lạc   | 56,8               | 5               | 61,8         | H          |         |
| 4     | 175                                                   | Nông Thị                Thảo    | 08/10/1992             | Tày        | Khuân Toong, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn     | Đại học   | SP Tiếng Anh                |                           | 54,0               | 5               | 59,0         | H          |         |
| 5     | 171                                                   | Dương Thị                Hiền   | 02/02/1999             | Tày        | Nà Chang, Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Kạn       | Đại học   | SP Tiếng Anh                | Trường THCS Nam Cường     | 48,3               | 5               | 53,3         | H          |         |
| 2     | <b>Vị trí Nhân viên Y tế</b>                          |                                 |                        |            |                                              |           |                             |                           |                    |                 |              |            |         |
| 2.1   | <b><i>Trường Tiểu học Xuân Lạc (01 chỉ tiêu)</i></b>  |                                 |                        |            |                                              |           |                             |                           |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 074                                                   | Lưu Thị                   Thắm  | 15/12/1992             | Tày        | Bản Lắc, Bằng Lãng, Chợ Đồn, Bắc Kạn         | Trung cấp | Y sỹ                        | Trường TH&THCS Bằng Phúc  | 71,3               | 5               | 76,3         | Đ          |         |
| 2     | 075                                                   | Hoàng Thị                Thiết  | 08/12/1988             | Tày        | Nà Dầu, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn           | Trung cấp | Y sỹ                        | Trường Mầm non Quảng Bạch | 70,3               | 5               | 75,3         | H          |         |
| 3     | 063                                                   | Nông Thị Thu            Diệu    | 22/12/1991             | Tày        | Phia Khao, Cự Lễ, Na Rì, Bắc Kạn             | Trung cấp | Y sỹ đa khoa                | Trường Mầm non Quảng Bạch | 65,5               | 5               | 70,5         | H          |         |
| 4     | 084                                                   | Triệu Thị Mai            Trung  | 12/09/1988             | Tày        | Nà Pái, Vi Hương, Bạch Thông, Bắc Kạn        | Trung cấp | Y sỹ                        | Trường TH&THCS Bằng Phúc  | 59,3               | 5               | 64,3         | H          |         |
| 5     | 080                                                   | Hoàng Văn                Thượng | 05/02/1989             | Tày        | Phiêng Liêng, Ngọc Phái, Chợ Đồn, Bắc Kạn    | Trung cấp | Y sỹ                        |                           | 50,5               | 5               | 55,5         | H          |         |
| 6     | 071                                                   | Lý Thị                    Son   | 28/02/1991             | Tày        | Chợ Cũ, Văn Lang, Na Rì, Bắc Kạn             | Trung cấp | Y sỹ đa khoa                |                           | 27,5               | 5               | 32,5         | H          |         |
| 3     | <b>Vị trí Nhân viên Kế toán</b>                       |                                 |                        |            |                                              |           |                             |                           |                    |                 |              |            |         |
| 3.1   | <b><i>Trường Tiểu học Bằng Lãng (01 chỉ tiêu)</i></b> |                                 |                        |            |                                              |           |                             |                           |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 179                                                   | Nông Văn                Quyến   | 20/3/1994              | Tày        | Nà Tả, Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Kạn          | Đại học   | Kế toán                     |                           | 51,3               | 5               | 56,3         | Đ          |         |
| 2     | 178                                                   | Nông Thị Diễm         Kiều      | 25/7/1994              | Tày        | Nà Khun, Cường Lợi, Na Rì, Bắc Kạn           | Cao đẳng  | Kế toán                     |                           | 21,0               | 5               | 26,0         | H          |         |
| 3     | 180                                                   | Nguyễn Thị Như        Quỳnh     | 15/12/1997             | Tày        | Nà Giáo, Yên Hân, Chợ Mới, Bắc Kạn           | Cao đẳng  | Kế toán tổng<br>hợp         |                           | 20,8               | 5               | 25,8         | H          |         |
| III   | <b>BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ</b>                            |                                 |                        |            |                                              |           |                             |                           |                    |                 |              |            |         |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                                     | Họ và tên          | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)          | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo        | Nguyên vọng 2                     | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------------|--------------------|------------------------|------------|-------------------------------------------------------|----------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 1     | Vị trí Giáo viên giảng dạy                            |                    |                        |            |                                                       |          |                                |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1.1   | Trường TH&THCS Đồng Thắng                             |                    |                        |            |                                                       |          |                                |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1.1.1 | Môn Giáo dục thể chất (01 chỉ tiêu)                   |                    |                        |            |                                                       |          |                                |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 181                                                   | Triệu Thành Công   | 12/7/1993              | Tày        | Tổ 11A, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn          | Đại học  | Giáo dục thể<br>chất           | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 63,5               | 5               | 68,5         | Đ          |         |
| 2     | 194                                                   | Hoàng Thị Thân     | 08/12/1992             | Tày        | Nà Oóc, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn                  | Đại học  | SP thể dục thể<br>thao         | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 51,0               | 5               | 56,0         | H          |         |
| 3     | 195                                                   | Lục Thị Thư        | 06/8/1990              | Tày        | Đầu Cầu, Cẩm Giàng, Bạch Thông, Bắc Kạn               | Đại học  | Giáo dục thể<br>chất           | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 51,0               | 5               | 56,0         | H          |         |
| 4     | 188                                                   | Đỗ Thành Long      | 06/10/2001             | Kinh       | Tổ 13, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn           | Đại học  | SP Giáo dục thể<br>chất        | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 44,5               |                 | 44,5         | H          |         |
| 5     | 183                                                   | Vi Thị Chiên       | 19/4/1983              | Tày        | Tổ 14A, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn          | Đại học  | SP thể dục thể<br>thao         | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 44,0               | 5               | 49,0         | H          |         |
| 6     | 187                                                   | Lê Thị Huyền       | 14/3/1990              | Kinh       | Tông Quận, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn               | Đại học  | SP giáo dục thể<br>chất - GDQP | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 30,5               |                 | 30,5         | H          |         |
| 7     | 191                                                   | Lưu Đức Thái       | 21/11/1994             | Kinh       | 07 TDP Tân Á, thị trấn Chợ Chu, Định Hóa, Thái Nguyên | Đại học  | SP Giáo dục thể<br>chất        |                                   | 17,5               |                 | 17,5         | H          |         |
| 8     | 185                                                   | Hoàng Anh Dũng     | 13/7/2000              | Tày        | Cốc Coọng, Đồng Phúc, Ba Bể, Bắc Kạn                  | Đại học  | Giáo dục thể<br>chất           | Trường TH&THCS Đồng Lạc           |                    |                 |              | Bỏ thi     |         |
| 1.1.2 | Môn Toán, Toán - Lý (01 chỉ tiêu)                     |                    |                        |            |                                                       |          |                                |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 197                                                   | Ma Thị Thu Huyền   | 23/7/1991              | Tày        | Tổng Ngay, Dương Phong, Bạch Thông, Bắc Kạn           | Đại học  | SP Toán học                    | Trường PTDT bán trú THCS Xuân Lạc | 74,0               | 5               | 79,0         | Đ          |         |
| 2     | 201                                                   | Đình Huy Tùng      | 23/9/1995              | Kinh       | Tổ 4, phường Tích Lương, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên  | Đại học  | SP Toán học                    |                                   | 72,5               |                 | 72,5         | H          |         |
| 3     | 198                                                   | Mai Thị Phương Lan | 05/8/1989              | Kinh       | Pò Đồn, thị trấn Yên Lạc, Na Rì, Bắc Kạn              | Đại học  | SP Toán                        |                                   | 55,0               |                 | 55,0         | H          |         |
| 4     | 200                                                   | Nông Công Tạng     | 24/8/2002              | Tày        | Nà Coóc, Bộc Bó, Pác Nặm, Bắc Kạn                     | Đại học  | SP Toán                        | Trường PTDT bán trú THCS Xuân Lạc | 38,3               | 5               | 43,3         | H          |         |
| 1.2   | Trường TH&THCS Đồng Lạc                               |                    |                        |            |                                                       |          |                                |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1.2.1 | Môn Ngữ Văn; Văn - Sử; Lịch sử - Địa lý (01 chỉ tiêu) |                    |                        |            |                                                       |          |                                |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 211                                                   | Lương Thị Linh     | 19/01/1995             | Nùng       | Nà Coọt, Cốc Đán, Ngân Sơn, Bắc Kạn                   | Đại học  | SP Ngữ văn                     | Trường PTDT bán trú THCS Xuân Lạc | 70,0               | 5               | 75,0         | Đ          |         |
| 2     | 207                                                   | Ma Thị Hà          | 04/4/1997              | Tày        | Nà Áng, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                    | Đại học  | SP Ngữ văn                     | Trường THCS Nam Cường             | 55,0               | 5               | 60,0         | H          |         |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                              | Họ và tên      |       | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)                                 | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyên vọng 2                        | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------|----------------|-------|------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------|--------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 3     | 219                                            | Triệu Thị Linh | Thu   | 30/10/2002             | Tày        | Số nhà 101, Tổ 10, P. Nguyễn Thị Minh Khai, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn              | Đại học  | SP Ngữ văn              |                                      | 36,0               | 5               | 41,0         | H          |         |
| 1.2.2 | Môn Tiếng Anh (01 chỉ tiêu)                    |                |       |                        |            |                                                                              |          |                         |                                      |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 203                                            | Ma Thị Kim     | Chi   | 29/7/2002              | Tày        | Tổ 2B, Thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                  | Đại học  | SP Tiếng Anh            | Trường THCS Nam Cường                | 79,0               | 5               | 84,0         | Đ          |         |
| 2     | 204                                            | Ma Thị         | Thơm  | 21/9/1992              | Tày        | Khuổi Thiêu, Quân Hà, Bạch Thông, Bắc Kạn                                    | Đại học  | SP Tiếng Anh            | Trường THCS Nam Cường                | 60,0               | 5               | 65,0         | H          |         |
| 1.2.3 | Môn Giáo dục thể chất (01 chỉ tiêu)            |                |       |                        |            |                                                                              |          |                         |                                      |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 189                                            | Dương Văn      | Sự    | 05/01/1994             | Mông       | Cổng nhà máy Z115, xóm Nước Hai, xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên | Đại học  | SP Giáo dục thể<br>chất | Trường TH&THCS Đồng<br>Thắng         | 72,5               | 5               | 77,5         | Đ          |         |
| 2     | 186                                            | Hà Việt        | Dũng  | 03/08/1995             | Tày        | Nà Coóc, Bộc Bó, Pác Nặm, Bắc Kạn                                            | Đại học  | Giáo dục thể<br>chất    | Trường TH&THCS Đồng<br>Thắng         | 57,0               | 5               | 62,0         | H          |         |
| 3     | 192                                            | Hoàng Triều    | Thanh | 01/5/1989              | Dao        | Phiêng Cà, Nam Cường, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                       | Đại học  | SP Thể dục thể<br>thao  | Trường TH&THCS Đồng<br>Thắng         | 52,5               | 5               | 57,5         | H          |         |
| 4     | 182                                            | Dương Mạnh     | Cường | 28/10/1997             | Tày        | Nà Cọ, Hoàng Trĩ, Ba Bể, Bắc Kạn                                             | Đại học  | SP Giáo dục thể<br>chất | Trường TH&THCS Đồng<br>Thắng         | 50,5               | 5               | 55,5         | H          |         |
| 5     | 184                                            | Hoàng Văn      | Doanh | 29/3/1987              | Tày        | Nà Áng, Đồng Lạc, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                           | Đại học  | SP Giáo dục thể<br>chất | Trường TH&THCS Đồng<br>Thắng         | 44,0               | 5               | 49,0         | H          |         |
| 6     | 190                                            | Hoàng Văn      | Tuyền | 26/02/2000             | Tày        | Cốc Thốc, Vi Hương, Bạch Thông, Bắc Kạn                                      | Đại học  | SP Giáo dục thể<br>chất | Trường TH&THCS Đồng<br>Thắng         | 43,5               | 5               | 48,5         | H          |         |
| 7     | 193                                            | Chu Thị        | Thắm  | 21/8/1988              | Nùng       | Tiểu khu 2, Nà Phặc, Ngân Sơn, Bắc Kạn                                       | Đại học  | SP Thể dục thể<br>thao  | Trường TH&THCS Đồng<br>Thắng         | 28,5               | 5               | 33,5         | H          |         |
| 1.3   | Trường TH&THCS Yên Thịnh                       |                |       |                        |            |                                                                              |          |                         |                                      |                    |                 |              |            |         |
| 1.3.1 | Môn Ngữ văn; Văn - Sử; Văn - Địa (02 chỉ tiêu) |                |       |                        |            |                                                                              |          |                         |                                      |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 220                                            | Ma Thị Huyền   | Trang | 12/9/2000              | Tày        | Pác Cuông, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                       | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường PTDT bán trú THCS<br>Xuân Lạc | 76,5               | 5               | 81,5         | Đ          |         |
| 2     | 216                                            | Ma Thị         | Tiềm  | 27/10/1994             | Tày        | Bản Lự, Yên Mỹ, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                             | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường PTDT bán trú THCS<br>Xuân Lạc | 73,0               | 5               | 78,0         | Đ          |         |
| 3     | 206                                            | Ma Thị         | Biển  | 27/6/1990              | Tày        | Pác Cuông, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn                                       | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường TH&THCS Đồng Lạc              | 69,0               | 5               | 74,0         | H          |         |
| 4     | 208                                            | Bùi Thị        | Hạ    | 04/6/1989              | Kinh       | Nà Vèn, Trần Phú, Na Rì, Bắc Kạn                                             | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường TH&THCS Đồng Lạc              | 65,5               |                 | 65,5         | H          |         |
| 5     | 214                                            | Dương Thị Hồng | Nhan  | 06/7/1984              | Dao        | Nà Tu, Cẩm Giàng, Bạch Thông, Bắc Kạn                                        | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường THCS Nam Cường                | 63,0               | 5               | 68,0         | H          |         |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                               | Họ và tên    |       | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh) | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyên vọng 2                     | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------|--------------|-------|------------------------|------------|----------------------------------------------|----------|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 6     | 210                                             | Ma Thị       | Liễu  | 16/11/2001             | Tày        | Khuổi Áng, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn      | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường PTDT bán trú THCS Xuân Lạc | 58,0               | 5               | 63,0         | H          |         |
| 7     | 217                                             | Nông Thị Kim | Tuyến | 30/5/1995              | Tày        | Sam Luồng, Trương Lương, Hòa Anh, Cao Bằng   | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 45,0               | 5               | 50,0         | H          |         |
| 8     | 212                                             | Hoàng Hữu    | Linh  | 01/11/2002             | Tày        | Bản Tắm, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn         | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường THCS Nam Cường             | 39,0               | 5               | 44,0         | H          |         |
| 1.4   | <b>Trường THCS thị trấn Bằng Lũng</b>           |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1.4.1 | <i>Môn Mỹ thuật (01 chỉ tiêu)</i>               |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 222                                             | Triệu Thị    | Thanh | 05/12/1991             | Dao        | Nà Chèn, Dương Phong, Bạch Thông, Bắc Kạn    | Đại học  | SP Mỹ Thuật             |                                   | 73,5               | 5               | 78,5         | Đ          |         |
| 2     | 223                                             | Nông Thị     | Thúy  | 17/5/1988              | Tày        | TT Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Cao Bằng           | Đại học  | SP Mỹ Thuật             |                                   | 55,0               | 5               | 60,0         | H          |         |
| 1.5   | <b>Trường THCS Nam Cường</b>                    |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1.5.1 | <i>Môn Ngữ văn; Văn - Sử (01 chỉ tiêu)</i>      |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 213                                             | Đinh Thị Mỹ  | Linh  | 16/3/2000              | Tày        | Thuận Hưng, Thuận Quan, Ngân Sơn, Bắc Kạn    | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 68,0               | 5               | 73,0         | Đ          |         |
| 2     | 218                                             | Lý Thị       | Thêm  | 25/4/1999              | Tày        | Nà Mèo, Nam Cường, Chợ Đồn, Bắc Kạn          | Đại học  | SP Ngữ văn              | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 53,5               | 5               | 58,5         | H          |         |
| 3     | 221                                             | Hoàng Huyền  | Trang | 07/10/1994             | Tày        | Pò Nim, Cường Lợi, Na Rì, Bắc Kạn            | Đại học  | SP Văn - Sử             | Trường TH&THCS Yên Thịnh          | 28,0               | 5               | 33,0         | H          |         |
| 1.5.2 | <i>Môn Sinh - Hóa; Hóa - Sinh (01 chỉ tiêu)</i> |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 224                                             | Đàm Thanh    | Trang | 18/8/1984              | Tày        | Nà Chom, Quảng Khê, Ba Bể, Bắc Kạn           | Đại học  | SP Sinh - Hóa           |                                   | 47,7               | 5               | 52,7         | H          |         |
| 2     | 225                                             | Hà Văn       | Trung | 06/8/1984              | Tày        | Tổ 11B, phường Đức Xuân, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn | Đại học  | SP Sinh - Hóa           |                                   | 39,5               | 5               | 44,5         | H          |         |
| 1.5.3 | <i>Môn Tiếng Anh (01 chỉ tiêu)</i>              |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 205                                             | Nông Đức     | Hoành | 20/8/1997              | Tày        | Che Ngù, Yên Thượng, Chợ Đồn, Bắc Kạn        | Đại học  | Ngôn ngữ Anh            | Trường TH&THCS Đồng Lạc           | 62,0               | 5               | 67,0         | Đ          |         |
| 1.6   | <b>Trường PTDT bán trú THCS Xuân Lạc</b>        |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1.6.1 | <i>Môn Ngữ văn; Văn - Sử (01 chỉ tiêu)</i>      |              |       |                        |            |                                              |          |                         |                                   |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 215                                             | Nguyễn Trọng | Nhân  | 09/01/1998             | Kinh       | Nà Lạn, Hiệp Lực, Ngân Sơn, Bắc Kạn          | Đại học  | SP Ngữ Văn              | Trường THCS Nam Cường             | 81,5               |                 | 81,5         | Đ          |         |
| 2     | 209                                             | Tô Văn       | Khánh | 18/4/1997              | Tày        | Nà Luông, Đại Sảo, Chợ Đồn, Bắc Kạn          | Đại học  | SP Ngữ Văn              |                                   | 39,0               | 5               | 44,0         | H          |         |

| STT   | Số báo danh                            | Họ và tên        |       | Ngày tháng năm sinh | Dân tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)                    | Trình độ  | Chuyên ngành đào tạo | Nguyên vọng 2             | Điểm thi vòng 2 | Điểm ưu tiên | Tổng điểm | Kết quả | Ghi chú                                                                                                        |
|-------|----------------------------------------|------------------|-------|---------------------|---------|-----------------------------------------------------------------|-----------|----------------------|---------------------------|-----------------|--------------|-----------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.6.2 | Môn Toán; Toán - Lý (01 chỉ tiêu)      |                  |       |                     |         |                                                                 |           |                      |                           |                 |              |           |         |                                                                                                                |
| 1     | 202                                    | Bế Thị Hải       | Yến   | 13/7/1994           | Tày     | Số nhà 045, Tổ 17, Phường Sông Hiến, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng | Đại học   | SP Toán học          | Trường TH&THCS Đồng Thắng | 84,5            | 5            | 89,5      | Đ       |                                                                                                                |
| 2     | 196                                    | Lục Thị          | Cúc   | 09/10/1984          | Nùng    | Nà Chom, Quảng Khê, Ba Bể, Bắc Kạn                              | Đại học   | SP Toán học          | Trường TH&THCS Đồng Thắng | 69,5            | 5            | 74,5      | H       |                                                                                                                |
| 3     | 199                                    | La Thị           | Ngân  | 14/01/1991          | Nùng    | Nà Bản, Nông Thượng, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn                        | Đại học   | SP Toán học          | Trường TH&THCS Đồng Thắng | 62,5            | 5            | 67,5      | H       |                                                                                                                |
| 1.6.3 | Môn Khoa học tự nhiên (01 chỉ tiêu)    |                  |       |                     |         |                                                                 |           |                      |                           |                 |              |           |         |                                                                                                                |
| 1     | 177                                    | Lý Tiểu          | Yến   | 01/6/1998           | Dao     | Bản Châng, Mỹ Thanh, Bạch Thông, Bắc Kạn                        | Đại học   | SP Vật lý            |                           | 71,5            | 5            | 76,5      | Đ       |                                                                                                                |
| 2     | 176                                    | Nông Thị         | Hiên  | 05/11/1992          | Tày     | Tiểu khu Tân Ý 1, thị trấn Vân Tùng, Ngân Sơn, Bắc Kạn          | Đại học   | SP Sinh học          |                           | 49,3            | 5            | 54,3      | H       |                                                                                                                |
| 2     | Vị trí Nhân viên                       |                  |       |                     |         |                                                                 |           |                      |                           |                 |              |           |         |                                                                                                                |
| 2.1   | Nhân viên Y tế                         |                  |       |                     |         |                                                                 |           |                      |                           |                 |              |           |         |                                                                                                                |
| 2.1.1 | Trường TH&THCS Bằng Phúc (01 chỉ tiêu) |                  |       |                     |         |                                                                 |           |                      |                           |                 |              |           |         |                                                                                                                |
| 1     | 072                                    | Ma Văn           | Tuân  | 28/11/1993          | Tày     | Bản Mới, Nam Cường, Chợ Đồn, Bắc Kạn                            | Trung cấp | Y sỹ                 | Trường Tiểu học Xuân Lạc  | 95,6            | 5            | 100,6     | Đ       |                                                                                                                |
| 2     | 076                                    | Lộc Thị Kim      | Thoa  | 15/8/1993           | Tày     | SN66, Tổ 11A, phường Đức Xuân, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn              | Trung cấp | Y sỹ                 | Trường Mầm non Quảng Bạch | 92,8            | 5            | 97,8      | H       |                                                                                                                |
| 3     | 086                                    | Hoàng Ngọc       | Vĩ    | 19/3/1994           | Nùng    | Bản Nà, Nghiên Loan, Pác Nặm, Bắc Kạn                           | Trung cấp | Y sỹ đa khoa         | Trường Mầm non Nam Cường  | 80,0            | 5            | 85,0      | Đ       | Đạt do thí sinh đăng ký nguyện vọng 2 trường MN Nam Cường (đơn vị không có thí sinh trúng tuyển nguyện vọng 1) |
| 4     | 077                                    | Ma Thị Hương     | Thơm  | 03/7/1994           | Tày     | Tổ 17, phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn, Bắc Kạn                     | Trung cấp | Y sỹ                 | Trường Tiểu học Xuân Lạc  | 77,0            | 5            | 82,0      | H       |                                                                                                                |
| 5     | 083                                    | Liêu Thị Thùy    | Trang | 14/02/1992          | Tày     | Bản Váng, Địa Linh, Ba Bể, Bắc Kạn                              | Trung cấp | Y sỹ                 | Trường Mầm non Quảng Bạch | 48,5            | 5            | 53,5      | H       |                                                                                                                |
| 6     | 067                                    | Lục Thị          | Loan  | 09/5/1991           | Nùng    | Nà Khun, Cường Lợi, Na Rì, Bắc Kạn                              | Trung cấp | Y sỹ                 | Trường Tiểu học Xuân Lạc  | 46,0            | 5            | 51,0      | H       |                                                                                                                |
| 7     | 062                                    | Lường Thị        | Chiêm | 11/10/1990          | Tày     | Nà Cọ, Đồng Thắng, Chợ Đồn, Bắc Kạn                             | Trung cấp | Y sỹ                 | Trường Tiểu học Xuân Lạc  | 41,0            | 5            | 46,0      | H       |                                                                                                                |
| 8     | 069                                    | Hoàng Văn        | Phẩm  | 19/12/1995          | Nùng    | Khuổi Chang, Dương Sơn, Na Rì, Bắc Kạn                          | Trung cấp | Y sỹ đa khoa         |                           | 39,5            | 5            | 44,5      | H       |                                                                                                                |
| 9     | 081                                    | Nguyễn Thị Huyền | Trang | 09/02/1997          | Tày     | Bản Tắm, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn                            | Trung cấp | Y sỹ                 | Trường Tiểu học Xuân Lạc  | 31,8            | 5            | 36,8      | H       |                                                                                                                |

| STT   | Số<br>báo<br>danh                                                    | Họ và tên       |       | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh)  | Trình độ  | Chuyên ngành<br>đào tạo                                     | Nguyên vọng 2            | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------------------------------------|-----------------|-------|------------------------|------------|-----------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
| 10    | 061                                                                  | Gia Thị         | Chang | 26/12/1994             | Tày        | Bản Lũng, Chu Hương, Ba Bể, Bắc Kạn           | Trung cấp | Y sỹ                                                        | Trường Tiểu học Xuân Lạc | 25,0               | 5               | 30,0         | H          |         |
| 11    | 082                                                                  | Nguyễn Thị Hồng | Trang | 12/12/1992             | Tày        | Chợ A, Côn Minh, Na Rì, Bắc Kạn               | Trung cấp | Y sỹ                                                        |                          | 25,0               | 5               | 30,0         | H          |         |
| 2.2   | <b>Nhân viên thiết bị, thí nghiệm</b>                                |                 |       |                        |            |                                               |           |                                                             |                          |                    |                 |              |            |         |
| 2.2.1 | <i>Trường TH&amp;THCS Yên Thịnh (01 chỉ tiêu)</i>                    |                 |       |                        |            |                                               |           |                                                             |                          |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 227                                                                  | Lý Hương        | Lễ    | 10/02/1988             | Tày        | Nà Càng, Phương Viên, Chợ Đồn, Bắc Kạn        | Đại học   | Thư viện và<br>Thiết bị trường<br>học                       |                          | 55,0               | 5               | 60,0         | Đ          |         |
| 2     | 226                                                                  | Hoàng Thị Hồng  | Lân   | 18/4/1988              | Tày        | Đon Mạ, Yên Phong, Chợ Đồn, Bắc Kạn           | Đại học   | Thư viện -<br>Thiết bị trường<br>học                        |                          | 48,5               | 5               | 53,5         | H          |         |
| 3     | 228                                                                  | Lý Thị          | Lượng | 01/02/1994             | Tày        | Tổ 11A, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn  | Đại học   | Công nghệ sinh<br>học                                       |                          | 33,8               | 5               | 38,8         | H          |         |
| 4     | 229                                                                  | Nông Quốc       | Mạch  | 07/5/1988              | Tày        | Ủm Đon, Yên Mỹ, Chợ Đồn, Bắc Kạn              | Đại học   | SP Vật lý                                                   |                          | 27,5               | 5               | 32,5         | H          |         |
| IV    | <b>TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN</b>        |                 |       |                        |            |                                               |           |                                                             |                          |                    |                 |              |            |         |
| 1     | <i>Vị trí Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (01 chỉ tiêu)</i> |                 |       |                        |            |                                               |           |                                                             |                          |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 231                                                                  | Vũ Thủy         | Tiên  | 18/6/1992              | Tày        | Nà Rào, Nguyên Phúc, Bạch Thông, Bắc Kạn      | Đại học   | Chăn nuôi thú y                                             |                          | 68,0               | 5               | 73,0         | Đ          |         |
| 2     | 230                                                                  | Triệu Thị Thùy  | Linh  | 28/10/1996             | Tày        | Pác Cuông, Yên Thịnh, Chợ Đồn, Bắc Kạn        | Đại học   | Chăn nuôi thú y                                             |                          | 20,0               | 5               | 25,0         | H          |         |
| V     | <b>TRUNG TÂM VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ TRUYỀN THÔNG</b>                   |                 |       |                        |            |                                               |           |                                                             |                          |                    |                 |              |            |         |
| 1     | <b>Vị trí Phát thanh viên (01 chỉ tiêu)</b>                          |                 |       |                        |            |                                               |           |                                                             |                          |                    |                 |              |            |         |
| 1     | 233                                                                  | Hoàng Văn       | Minh  | 11/4/1995              | Nùng       | Bản Tàn, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn | Cao đẳng  | Báo mạng điện<br>tử                                         |                          | 80,5               | 5               | 85,5         | Đ          |         |
| 2     | 234                                                                  | Hoàng Anh       | Tuấn  | 20/6/1993              | Tày        | Bản Tét 1, Nông Hạ, Chợ Mới, Bắc Kạn          | Đại học   | Lịch sử                                                     |                          | 52,2               | 5               | 57,2         | H          |         |
| 3     | 235                                                                  | Nguyễn Tiến     | Thắng | 14/12/1985             | Tày        | Tổ 12, thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn   | Trung cấp | Công nghệ môi<br>trường; Thư<br>viện - Thiết bị<br>giáo dục |                          | 40,5               | 5               | 45,5         | H          |         |
| 4     | 232                                                                  | Hoàng Quang     | Huân  | 15/5/1991              | Tày        | Nà Phầy, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn         | Đại học   | Luật kinh tế                                                |                          | 25,0               | 5               | 30,0         | H          |         |

(Ấn định danh sách có 235 người./.)

**Ghi chú:** "Đ" là Đạt, "H" là Không đạt.  
Danh sách trên đã bao gồm trừ điểm của các trường hợp vi phạm Quy chế, Nội quy thi.

| STT | Số<br>báo<br>danh | Họ và tên | Ngày tháng<br>năm sinh | Dân<br>tộc | Chỗ ở hiện nay<br>(Thôn/Tổ, xã, huyện, tỉnh) | Trình độ | Chuyên ngành<br>đào tạo | Nguyện vọng 2 | Điểm thi<br>vòng 2 | Điểm<br>ưu tiên | Tổng<br>điểm | Kết<br>quả | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|------------------------|------------|----------------------------------------------|----------|-------------------------|---------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|
|-----|-------------------|-----------|------------------------|------------|----------------------------------------------|----------|-------------------------|---------------|--------------------|-----------------|--------------|------------|---------|